

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÂN KHÁNH AN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 42/NQ-ĐHĐCĐ

Nghệ An, ngày 28 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An;

Căn cứ Quy chế tổ chức đại hội thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An ngày 28/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu sau:

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024

| TT  | Chỉ tiêu                               | ĐVT      | KH năm 2024 | TH năm 2024 | So sánh (%) |             |
|-----|----------------------------------------|----------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|     |                                        |          |             |             | KH năm 2024 | TH năm 2023 |
| I   | Sản lượng tiêu thụ                     |          |             |             |             |             |
| 1   | Sản lượng tiêu thụ bao bì              | 1000 bao | 35.970      | 39.485      | 109,77      | 101,69      |
|     | Vỏ bao xi măng                         | 1000 bao | 14.800      | 15.343      | 103,67      | 105,71      |
|     | Vỏ bao nông sản + bao PE               | 1000 bao | 21.170      | 24.142      | 114,04      | 99,28       |
| 2   | Dịch vụ QL thuốc lá                    | 1000 bao | 20.000      | 20.073      | 100,37      | 97,72       |
| II  | Doanh thu thuần                        | Tr. đồng | 163.540     | 178.558     | 109,18      | 97,80       |
|     | Trong đó: Doanh thu tiêu thụ bao bì    | Tr. đồng | 152.500     | 167.872     | 110,08      | 97,63       |
| III | Lợi nhuận trước thuế                   | Tr. đồng | 12.900      | 13.500      | 104,65      | 99,85       |
|     | Trong đó: Lợi nhuận bao bì, khác       | Tr. đồng | 11.145      | 11.767      | 105,58      | 96,49       |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế                     | Tr. đồng | 10.300      | 10.788      | 104,74      | 99,84       |
| V   | Hiệu quả chưa lương (DT-CP chưa lương) | Tr. đồng | 39.144      | 40.823      | 104,29      | 98,86       |

|     |                                                 |          |        |        |        |        |
|-----|-------------------------------------------------|----------|--------|--------|--------|--------|
| VI  | Lao động bình quân<br>(không tính quản lý)      | Người    | 246    | 243    | 98,78  | 99,18  |
| VII | <b>Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV</b>                 |          |        |        |        |        |
| 1   | -TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng       | 1000đồng | 35.000 | 38.250 | 109,29 | 94,51  |
| 2   | -TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng | 1000đồng | 2.000  | 2.000  | 100,00 | 100,00 |
| 3   | TN BQ từ TKA người / tháng                      | 1000đồng | 8.431  | 8.865  | 105,15 | 99,40  |

**b. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2024.**

| TT | Tên công trình/ dự án                                                                                                   | Kế hoạch<br>(Triệu đồng) | Thực hiện<br>(Triệu đồng)<br>(Chưa VAT) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng.                                         | 500                      | 0                                       |
| 2  | Đầu tư 06 máy dẹt tròn 06 thoi, công suất: 2,2÷2,5 m/phút (Bao gồm: Chi phí vận chuyển; lắp đặt; logistic; đấu thầu...) | 3.500                    | 2.165                                   |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                        | <b>4.000</b>             | <b>2.165</b>                            |

**Điều 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025.**

**a. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

| TT | Chỉ tiêu                   | ĐVT      | TH<br>năm<br>2024 | KH<br>năm<br>2025 | KH2025/<br>TH2024<br>(%) | Ghi<br>chú |
|----|----------------------------|----------|-------------------|-------------------|--------------------------|------------|
| I  | Sản lượng tiêu thụ         |          |                   |                   |                          |            |
| 1  | Sản lượng tiêu thụ bao bì  | 1000 bao | 39.485            | 36.520            | 92,49                    |            |
|    | - Vỏ bao xi măng           | 1000 bao | 15.343            | 15.050            | 98,09                    |            |
|    | - Vỏ bao nông sản + bao PE | 1000 bao | 24.142            | 21.470            | 88,93                    |            |
| 2  | Dịch vụ QL thuốc lá        | 1000 bao | 20.073            | 20.000            | 99,64                    |            |
| II | Doanh thu thuần            | Tr. đồng | 178.558           | 163.560           | 91,60                    |            |
|    | - Trong đó bao bì          | Tr. đồng | 167.872           | 154.260           | 91,89                    |            |

| TT  | Chỉ tiêu                                              | ĐVT      | TH<br>năm<br>2024 | KH<br>năm<br>2025 | KH2025/<br>TH2024<br>(%) | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------|----------|-------------------|-------------------|--------------------------|------------|
| III | Lợi nhuận trước thuế                                  | Tr. đồng | 13.500            | 12.700            | 94,07                    |            |
|     | Trong đó: Lợi nhuận bao bì, khác                      | Tr. đồng | 11.767            | 10.700            | 90,93                    |            |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế                                    | Tr. đồng | 10.788            | 10.200            | 94,55                    |            |
| V   | Lao động bình quân<br>(chưa bao gồm lao động quản lý) | Người    | 243               | 243               | 100,00                   |            |

**b. Kế hoạch đầu tư năm 2025.**

Dự kiến đầu tư năm 2025, như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Danh mục                                                                                                               | Khái toán<br>(Chưa bao gồm VAT) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1  | Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng. (Danh mục đầu tư năm 2024 chuyển sang) | 500                             |
| 2  | Giàn máy cắt may tự động bao PP nông sản                                                                               | 1.250                           |
| 3  | Đầu tư thêm 01 xe tải có tải trọng 3,5 – 5 tấn                                                                         | 950                             |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                       | <b>2.700</b>                    |

Căn cứ tình hình chung của thị trường, và các điều kiện thuận lợi để khảo sát giá cả, mua sắm và triển khai phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

**Điều 3. Thông qua đề xuất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024, phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2025, như sau:**

**a. Năm 2024**

- Thành viên Hội đồng quản trị:

$$01 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đồng/ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$$

- Thành viên Ban kiểm soát:

+ Trưởng Ban kiểm soát:

$$01 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đồng / tháng} \times 12 \text{ tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$$

+ Thành viên Ban kiểm soát

$$02 \text{ người} \times 1.500.000 \text{ đồng / tháng} \times 12 \text{ tháng} = 36.000.000 \text{ đồng}$$

**b. Năm 2025.**

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng BKS : 2.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đồng/ tháng

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025, như sau:**

**a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**

*Đơn vị tính: Đồng*

|   |                                                                                |                |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024                                     | 10.788.350.639 |
| 2 | Lợi nhuận chưa phân phối                                                       | 10.788.350.639 |
| 3 | Trích lập các quỹ, trong đó                                                    |                |
| - | Quỹ đầu tư, phát triển (10,3%)                                                 | 1.113.725.639  |
| - | Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3,0 Tháng lương)                                    | 6.462.500.000  |
| - | Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương QL Chuyên trách ) | 172.125.000    |
| 4 | Chia cổ tức 8%/ VDL                                                            | 3.040.000.000  |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối                                               | 0              |

**b. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025.**

1. Cổ tức dự kiến: 8 - 10% vốn điều lệ.
2. Trích lập các quỹ:
  - Quỹ đầu tư phát triển dự kiến: 10 - 15%
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi: tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

**Điều 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu theo quy định đề ra để trình Hội đồng quản trị phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

**Điều 6. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028**

Đại hội đã nhất trí thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với ông Bùi Việt Đức nhiệm kỳ 2023 - 2028.

**Điều 7. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên BKS Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An nhiệm kỳ 2023 - 2028:**

- Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát: Nguyễn Dân Tiến
- giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- UBCKNN;
- Lưu VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Hà Quang Minh**



*Nghệ An, ngày 28 tháng 04 năm 2025*

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TÂN KHÁNH AN**

**I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI**

- Thời gian: vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 04 năm 2025
- Địa điểm: Hội trường Khách sạn Thượng Hải Vinh, số 26 Đường Lê Lợi, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An.

**II. THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

Các cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số V314/2025-TKA/VSDC-ĐK, ngày 24/03/2025 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời: 275 cổ đông
- Số cổ đông có mặt và được ủy quyền: 15 cổ đông.
- Tổng cộng 15 cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương 3.240.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 85,28% tổng số cổ phần của Công ty.

**III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:**

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tiến hành Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

- Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch để điều khiển Đại hội gồm các thành viên sau:

1. Ông: Hà Quang Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Ông: Phạm Thanh Hà - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
3. Ông: Trần Anh Giang - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty.

Đại hội đã biểu quyết 100 % nhất trí thông qua Ban thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm:

1. Ông: Nguyễn Quang Long - Trưởng ban
2. Ông: Lê Anh Tuấn - Ban viên

- Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua Ban kiểm phiếu biểu quyết để tổng hợp và báo cáo về tình hình biểu quyết gồm các thành viên sau:

1. Ông Nguyễn Quang Long - Trưởng ban

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng - Phó Ban.

3. Ông Lê Anh Tuấn - Ban viên.

Đại hội đã thống nhất biểu quyết 100% thông qua Chương trình Đại hội và biểu quyết 100% thông qua Quy chế làm việc của Đại hội do Đoàn chủ tịch trình bày.

#### IV. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

##### A. Đại hội đã nghe các nội dung sau:

1. Báo cáo Ban Giám đốc - HĐQT về tình hình HĐKD năm 2024 – Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

2. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán).

3. Thông qua các chỉ tiêu kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

4. Thông qua đề xuất mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2024. Phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2025.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 – dự kiến năm 2025

6. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 2025

7. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

8. Thông qua tờ trình về miễn nhiệm thành viên thành viên Ban kiểm soát.

9. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028.

B. Sau khi thảo luận và đóng góp ý kiến, Đại hội cổ đông đã biểu quyết thông qua những nội dung sau:

##### 1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

##### 2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu sau:

###### a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024

| TT | Chỉ tiêu                  | ĐVT      | KH năm 2024 | TH năm 2024 | So sánh (%) |             |
|----|---------------------------|----------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|    |                           |          |             |             | KH năm 2024 | TH năm 2023 |
| I  | Sản lượng tiêu thụ        |          |             |             |             |             |
| 1  | Sản lượng tiêu thụ bao bì | 1000 bao | 35.970      | 39.485      | 109,77      | 101,69      |
|    | Vỏ bao xi măng            | 1000 bao | 14.800      | 15.343      | 103,67      | 105,71      |

|     |                                                 |          |         |         |        |        |
|-----|-------------------------------------------------|----------|---------|---------|--------|--------|
|     | Vỏ bao nông sản + bao PE                        | 1000 bao | 21.170  | 24.142  | 114,04 | 99,28  |
| 2   | Dịch vụ QL thuốc lá                             | 1000 bao | 20.000  | 20.073  | 100,37 | 97,72  |
| II  | Doanh thu thuần                                 | Tr. đồng | 163.540 | 178.558 | 109,18 | 97,80  |
|     | Trong đó: Doanh thu tiêu thụ bao bì             | Tr. đồng | 152.500 | 167.872 | 110,08 | 97,63  |
| III | Lợi nhuận trước thuế                            | Tr. đồng | 12.900  | 13.500  | 104,65 | 99,85  |
|     | Trong đó: Lợi nhuận bao bì, khác                | Tr. đồng | 11.145  | 11.767  | 105,58 | 96,49  |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế                              | Tr. đồng | 10.300  | 10.788  | 104,74 | 99,84  |
| V   | Hiệu quả chưa lương (DT-CP chưa lương)          | Tr. đồng | 39.144  | 40.823  | 104,29 | 98,86  |
| VI  | Lao động bình quân (không tính quản lý)         | Người    | 246     | 243     | 98,78  | 99,18  |
| VII | Các chỉ tiêu TN BQ CBCNV                        |          |         |         |        |        |
| 1   | -TN BQ QL Chuyên trách từ TKA người/tháng       | 1000đồng | 35.000  | 38.250  | 109,29 | 94,51  |
| 2   | -TN BQ QL Không Chuyên trách từ TKA người/tháng | 1000đồng | 2.000   | 2.000   | 100,00 | 100,00 |
| 3   | TN BQ từ TKA người / tháng                      | 1000đồng | 8.431   | 8.865   | 105,15 | 99,40  |

**b. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2024.**

| TT | Tên công trình/ dự án                                                                   | Kế hoạch<br>(Triệu đồng) | Thực hiện<br>(Triệu đồng)<br>(Chưa VAT) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng.         | 500                      | 0                                       |
| 2  | Đầu tư 06 máy dẹt tròn 06 thoi, công suất: 2,2÷2,5 m/phút (Bao gồm: Chi phí vận chuyển; | 3.500                    | 2.165                                   |

|  |                                 |              |              |
|--|---------------------------------|--------------|--------------|
|  | lắp đặt; logistic; đầu thầu...) |              |              |
|  | <b>Tổng cộng</b>                | <b>4.000</b> | <b>2.165</b> |

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

### 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025.

#### a. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

| TT         | Chỉ tiêu                                                  | ĐVT      | TH năm 2024 | KH năm 2025 | KH2025/TH2024 (%) | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------|----------|-------------|-------------|-------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Sản lượng tiêu thụ</b>                                 |          |             |             |                   |         |
| <b>1</b>   | <b>Sản lượng tiêu thụ bao bì</b>                          | 1000 bao | 39.485      | 36.520      | 92,49             |         |
|            | - Vỏ bao xi măng                                          | 1000 bao | 15.343      | 15.050      | 98,09             |         |
|            | - Vỏ bao nông sản + bao PE                                | 1000 bao | 24.142      | 21.470      | 88,93             |         |
| <b>2</b>   | <b>Dịch vụ QL thuốc lá</b>                                | 1000 bao | 20.073      | 20.000      | 99,64             |         |
| <b>II</b>  | <b>Doanh thu thuần</b>                                    | Tr. đồng | 178.558     | 163.560     | 91,60             |         |
|            | - Trong đó bao bì                                         | Tr. đồng | 167.872     | 154.260     | 91,89             |         |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                               | Tr. đồng | 13.500      | 12.700      | 94,07             |         |
|            | Trong đó: Lợi nhuận bao bì, khác                          | Tr. đồng | 11.767      | 10.700      | 90,93             |         |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                 | Tr. đồng | 10.788      | 10.200      | 94,55             |         |
| <b>V</b>   | <b>Lao động bình quân (chưa bao gồm lao động quản lý)</b> | Người    | 243         | 243         | 100,00            |         |

#### b. Kế hoạch đầu tư năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Danh mục                                                                                                               | Khái toán<br>(Chưa bao gồm VAT) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1  | Đầu tư 01 máy tiện 1m63 có băng dài 3,6 mét phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng. (Danh mục đầu tư năm 2024 chuyển sang) | 500                             |

|   |                                                |              |
|---|------------------------------------------------|--------------|
| 2 | Giàn máy cắt may tự động bao PP nông sản       | 1.250        |
| 3 | Đầu tư thêm 01 xe tải có tải trọng 3,5 – 5 tấn | 950          |
|   | <b>Tổng cộng</b>                               | <b>2.700</b> |

Căn cứ tình hình chung của thị trường, và các điều kiện thuận lợi để khảo sát giá cả, mua sắm và triển khai phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**4. Thông qua đề xuất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024, phương án thù lao của HĐQT, BKS năm 2025, như sau:**

**a. Năm 2024**

- Thành viên Hội đồng quản trị:

01 người x 3.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng

- Thành viên Ban kiểm soát:

+ Trưởng Ban kiểm soát:

01 người x 2.000.000 đồng / tháng x 12 tháng = 24.000.000 đồng

+ Thành viên Ban kiểm soát

02 người x 1.500.000 đồng / tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng

**b. Năm 2025.**

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/ tháng

- Trưởng BKS : 2.000.000 đồng/ tháng

- Thành viên BKS : 1.500.000 đồng/ tháng

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025, như sau:**

**a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**

*Đơn vị tính: Đồng*

|   |                                             |                |
|---|---------------------------------------------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024  | 10.788.350.639 |
| 2 | Lợi nhuận chưa phân phối                    | 10.788.350.639 |
| 3 | Trích lập các quỹ, trong đó                 |                |
| - | Quỹ đầu tư, phát triển (10,3%)              | 1.113.725.639  |
| - | Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3,0 Tháng lương) | 6.462.500.000  |

|   |                                                                                |               |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| - | Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương QL Chuyên trách ) | 172.125.000   |
| 4 | Chia cổ tức 8%/ VDL                                                            | 3.040.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối                                               | 0             |

**b. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025.**

1. Cổ tức dự kiến: 8 - 10% vốn điều lệ.

2. Trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển dự kiến: 10 - 15%

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**6. Nhất trí báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. (Có báo cáo kèm theo)**

**7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu theo quy định đề ra để trình Hội đồng quản trị phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**8. Thông qua tờ trình về miễn nhiệm thành viên thành viên Ban kiểm soát.**

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**9. Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028.**

- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo đúng quy chế, thể lệ bầu cử.

- Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Dân Tiến trúng cử vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028 với số phiếu 3.240.700 đồng ý (tỷ lệ 100%)

**10. Ban kiểm soát đã họp để bầu Trưởng Ban kiểm soát**

- Kết quả bầu Trưởng Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Dân Tiến giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028 với số phiếu 2/2 đồng ý (tỷ lệ 100%)

**11. Thư ký Đại hội thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội.**

Số cổ phần biểu quyết thông qua là: 3.240.700 CP- đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

Ông: Trần Anh Giang thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Bao bì Tân Khánh An đã kết thúc vào lúc 17 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội, Đoàn Chủ tịch đã xin Đại hội biểu quyết.

Đại hội đã nhất trí biểu quyết 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: [www.tankhanhan.com](http://www.tankhanhan.com)

**BAN THƯ KÝ**

**Nguyễn Quang Long**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**Hà Quang Minh**

